**ĐỘNG TỪ**

TEST 1. Gạch dưới những động từ trong các câu sau đây. Rồi viết các động từ vào khoảng trống bên phải.

1. Marvin clisti ibuted The will Street Journal to the officers of the bank. 1. distributed
2. Prepare employment correspondence on high-quality paper. 2.
3. His demostration clarified the procedure. 3.
4. Many of them agreed to the new regnlntions. 4.
5. The new manager demanded that we be on time for work. 5.

**Vấn đề 1 - Cách dùng các động từ**

Chúng ta dùng động từ để tạo nên câu tường thuật và lời yêu cầu, cung cấp mệnh lệnh và nêu câu hỏi.

Tạo nên câu tường thuật:          Our agents receive commissions.

The managers recomen dedchanges.

Các động từ receive và receiver và recommended tạo nên các câu tường thuật về chủ tử tạo nên các câu tường thuật về chủ từ của chúng.

Nêu yêu cầu:        Please read the endosed bulletin.

Please sign these papers.

Các đông từ rend và sign nêu yêu cầu của chú từ cúa chúng-chủ từ "You" được hiển ngầm.

Đặt câu hỏi:          Is it a modern olTice?

Who returned the documents?

Các dộng từIs và returned nêu câu hỏi về chủ từ của chúng.

Ra lệnh:      Send Mr. LaRne a card.

Profile(I the material rarefnlly.

Các động từ send và province ra lệnh cho các chú từ - chú từ you (được hiểu ngầm).

TEST 2. Hãy cho biết các động từ được dùng trong những câu sau đây. Gạch dưới mỗi một động từ. Rồi cho biết động từ được dùng trong một câu tường thuật, câu đề nghị, câu mệnh lệnh hay câu hỏi.

1. The interviewer and the interviewee cliscussed the job requirements. 1. statement
2. Who requested the Stoner file? 2.
3. Use the elevators in the ma in lobby of the building. 3.
4. People's needs fall into three categories: foocl, shelter, and clothing. 4.
5. Please cask Will to see me     in       my office.    5.

**Vấn đề 2 - Có và không có túc từ trực tiếp**

Các túc từ trực tiếp là các yếu tố nhận; chúng nhận hành động của động từ. Bạn có nhận thấy rằng vài động từ có túc từ trực tiếp và một số động từ khác lại không có?

She corrected the schedule. Schedule là túc từ trực tiếp của động từ

corrected. Nhận gì? nhận schedule.

Ms. Fontaine applauded. Không có túc từ trực tiếp.

Các động từ có các túc từ trực tiếp được gọi là transitive verbs (ngoại động từ); những động từ không có túc từ trực tiếp gọi là intmnsitive verbs (nội động từ). The "haves" là transitive; "have-nots" là intransitive.

TEST 3. Gạch dưới động từ trong mỗi câu sau đây. Rồi viết túc từ trực tiếp của động từ đó vào chỗ trông bên phải . Nếu không có túc từ trực tiếp, hãy viết chữ have-not.

1. Bartley retired. 1.
2. Our auclitor submitted a report. 2.
3. Edit the proposal carefully. 3.
4. Our hearts raced. 4.
5. The mayor songht reelection. 5.
6. Sue completed the schedule. 6.
7. They practiced all night. 7.
8. We clccepted their apology. 8.

**Vấn đề 4 – Trợ động từ**

Đôi lúc một động từ cần trợ động từ. Cùng với nó, một động từ và các trợ động từ cứa nó tạo nên verb phrase (cụm động từ). Ví dụ, will be going là một verb phrase. Động từ chính (luôn là động từ sau cùng trong (cụm động từ) là going; các trợ động từ (helper) là will be.

Example: They have written several articles and books. Have written là cụm động từ (verb phrase). Have là trợ động từ (helper), written là động từ chính.

She should have heert selected. Should have been selected verb phrase. Should leave been là helper, selected là động từ chính.

TEST 4. Gạch dưới những trợ động từ trong những câu sau đây. Rồi viết các động từ chính vào khoảng trống bên phải.

1. We will have received the checks by then. 1. received
2. The secretary will take minutes of the departmental meeting. 2.
3. The books are being displayed in the Showcase in the lobby. 3.
4. Donna will design visnal aids for our presentation. 4.
5. Several of LIS have been traveling during the summer. 5.
6. They are planning a retirement party for him. 6.
7. We could have gone to the movies last night. 7.
8. Sam has been training the new recruits. 8.

Các trợ động từ (Helpers) đôi lúc còn được gọi là "auxiliary verbs". Dưới đây là một sốauxiliary verbs phổ biến.

be      am     is       was   were been

did     have  has    had    may   might

will    would        are     can    could must

do      should         shall

Bài Tập

Đề 1. Hãy viết những động từ trong những câu dưới đây vào chỗ trống bên phải.

1. The committee members met yesterday morning. 1.
2. Our sales department contacts about 1,000 customers a day. 2.
3. Jan coordinated all the activities for her office. 3.
4. The sales representative demonstrated his products for us. 4.
5. The receptionist assisted the general manager. 5. \_\_\_\_\_\_
6. Please send a copy of the letter to the insurance agent. 6.
7. The company carpenters constructed a railing around the deck. 7.
8. Most of LIS face economic worries. 8.
9. Let us reconsider our decision to delay the project. 9.
10. Our character is a composite of our habits. 10.
11. I immersed myself in an in-depth study of Asian interasure. 11.
12. We both knowleged the problems in the company. 12.
13. They treated the customers with respect. 13.
14. Look upon the weaknesses of others with compassion. 14.
15. The experience taugnt me independence. 15.

Đề 2. Hãy cho biết cách động từ được dùng trong những câu sau dây. Gạch dưới mỗi một động từ. Rồi cho biết động từ đó được dùng trong một câu tường thuật, một yêu cầu, một mệnh lệnh hay một câu hỏi.

1. Lock the cloor after 5 p. m. 1.
2. Her department has permission to purchase its own word Processing equipment. 2.
3. who examined the merchandise? 3.
4. Please sell the 100 shares of stock. 4.
5. where was the package? 5.
6. We stake onr reputation on our Service to customers. 6.
7. Provide a full explanation for your decision. 7.
8. Some messages combine more than one business objective. 8.
9. Please answer the letter within the next 48 hours. 9.
10. Professional writers usually receive specific assignments. 10.

Đề 3. Gạch dưới động từ trong mỗi câu sau đây. Nêu động từ có một túc từ trực tiếp (clirect obịect), thì viêt túc từ trực tiếp đó vào chỗ trống bên phải. Nếu động từ đó không có túc từ trực tiếp, thì viết have-not.

1. They disagreed. 1.
2. Martha promised the results by the next day. 2.
3. The rock concert begins at 8 p. m. at Miller Aiiclitorium. 3.
4. The clerk smiled pleasantly. 4.
5. Several of the employees played there yesterday. 5.
6. Give the paint to the workers on the second floor. 6.
7. He gave her a plant as a present. 7.
8. Joel David sold his collection of stamps. 8.
9. Several people calleci. 9.
10. while in Africa she bought many souvenirs. 10.
11. Darlene wanted a commitment to quality from her status. 11.
12. The boat floated down the river. 12.

1 3.    Looking ont the window, we saw the visitors arriving. 13.

1. By his side stood the little girl. 14.
2. Have yon finished the report yet? 15.
3. The company reached its campaign goal of $50,000. 16.
4. Bob and Lea arrived while we were gone. 17.
5. Please polish the brass fixtures in the lobby. 18.
6. They were watching the movie on television. 19.
7. The meeting had occurred several days ago. 20.

Đề 4. Gạch dưới các trợ động từ (helping verb) trong những câu Sau đây. Sau đó viết động từ chính vào chỗ trống bên phải.

1. Each concept will be highlightecl in the visuals aids. 1.
2. The game has been Played very well. ,2.
3. Had you received my phone call? 3.
4. The cherry crop had been ruined by the late trost. 4.
5. It must have been raining when yon left yesterday. 5.
6. Were you invited to the reception afterwards? 6.
7. He was raerely asking for a raise. 7.
8. After three weeks, they were finally finished with the report. 8.
9. I would have gone with you to the open house. 9.
10. The new employees are being evaluated every three months. 10.
11. The plane must have been late. 11.     -
12. Norma was being interviewed for the position. 12.
13. Tim had stLidied very late last night. 13.

1 4.     The managers were planning a meeting with the representatives from  Globe Oil.     14.

1 5.     The incidents were occurring as we watched from the second floor.        15.

1. The constmction was completed last year. 16.

1 7.     Did you receive your certificate in the mail?       17.

1 8.     Our assignment had been given to by the snpervisor.     18.

1 9.     We were SLi|5|J0rted by our íriends in the Accounting Department.        19.

20.          They were shown the evidence first. 20.

Đề 5. Viết hai loại cụm dộng từ (verb phrases) cho mỗi động từ trong các động từ sau đây: (Có nhiều cách trả lời)

1. employ
2. start
3. print
4. collect
5. be
6. revise
7. show
8. work
9. ask
10. build